

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **336/2019/DS-PT**

Ngày: 05/11/2019

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;
Ông Vũ Viết Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 13/2019/DS- ST ngày 22 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 320/2019/QĐXX-PT ngày 02/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 422/2019/QĐXX-PT ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Ngọc B**, sinh năm 1973; đăng ký HKTT: quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960, Hội Luật gia Trường Đại học Luật Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông **Vũ Trung T**, sinh năm 1958; đăng ký HKTT và cư trú: quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/01/ 2019, các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Vũ Ngọc B trình bày:

Ông và ông Vũ Trung T có quan hệ họ hàng. Từ năm 2010, ông T nhiều lần vay nợ tiền của ông. Ông chỉ cho ông T vay tiền chứ không cho vợ ông T vay tiền. Đến ngày 16/5/2018, ông và ông T chốt lại và ông T viết giấy cam kết nợ. Tại “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018, ông T tự viết với nội dung ông T vay của ông số tiền gốc là 9.000.000.000 đồng. Theo nội dung giấy cam kết, ông T cam kết trong năm 2018, ông T sẽ thanh toán cho ông số tiền 7.000.000.000 đồng trong tháng 7,8/2018; số tiền 2.000.000.000 đồng ông T sẽ thanh toán nốt trong năm 2019.

Toàn bộ nội dung “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 là do ông T tự nguyện viết tại nhà bố mẹ đẻ ông tại phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Việc ký giấy cam kết nợ có sự có mặt của bố mẹ ông là ông Vũ Khắc Tr, sinh năm 1939; bà Trần Thị Ng, sinh năm 1945; anh Tr ruột của ông là ông Vũ Thanh Tùng, sinh năm 1970 và vợ là chị Trần Thị Thu L, sinh năm 1975; chú ruột ông là ông Vũ Quang H. Ông Hoá đã ký vào giấy cam kết trả nợ với tư cách là người chứng kiến.

Tháng 6/2019, ông T đã bán nhà tại Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội được 24.000.000.000 đồng mà chỉ trả cho ông 1.200.000.000 đồng và còn nợ ông số tiền nợ gốc là 5.800.000.000 đồng trong số tiền 7.000.000.000 đồng phải thanh toán trong tháng 7,8/2018. Ông T hoàn toàn có khả năng trả nợ cho ông nhưng không trả đủ theo cam kết. Ông đã giục nhiều lần nhưng ông T vẫn chây ỳ không trả nợ.

Tháng 8/2018, ông T gửi đơn đến công an quận Thanh Xuân tố cáo ông và gia đình ông về việc bắt giữ người trái pháp luật. Việc ông T cho rằng “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 là do bị gia đình ông ép buộc là không đúng. Ông T tự đến nhà ông và không có việc gia đình ông dùng vũ lực bắt ép ông T viết giấy cam kết nợ. Sự việc đã được công an quận Thanh Xuân làm việc, lập biên bản và trả lời bằng văn bản là không có việc đánh đập, bắt ép ông T viết “Giấy cam kết trả nợ”.

Nay ông yêu cầu ông T phải thanh toán trả cho ông số tiền 5.800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ tháng 9/2018 cho đến ngày thực tế trả hết nợ. Còn 2.000.000.000 đồng phải thanh toán trong năm 2019 chưa đến hạn nên ông yêu cầu khởi kiện sau. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Vũ Trung T trình bày:

Năm 2011, ông bắt đầu vay nợ của anh Vũ Ngọc B với nhiều lần vay. Đến hết năm 2011, tổng số tiền ông vay anh B là 1.500.000.000 đồng. Từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2018, ông đã thanh toán cho anh B số tiền cả gốc và lãi là 7.800.000.000 đồng. Việc vay tiền của anh B chỉ có một mình ông vay và sử dụng, ngoài ra không có ai khác.

Ngày 16/5/2018, ông có đến nhà anh B và thấy toàn bộ nhà anh B gồm bố mẹ đẻ, vợ chồng anh Tr anh B, ông H là chú ruột anh B và vợ chồng anh B có mặt. Anh B tính toàn bộ gốc và lãi của toàn bộ các giấy vay tiền các ngày 07/9/2015, ngày 12/9/2015, ngày 15/9/2015, ngày 22/9/2015, ngày 25/9/2015, ngày 30/9/2015,

ngày 01/10/2015 từ thời gian tháng 9/2015 đến tháng 4/2018 với lãi suất là 4,5%/tháng T số tiền hơn 13.000.000.000 đồng. Ông đã trả cho anh B số tiền gần 2.000.000.000 đồng (Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018). Còn lại hơn 11.000.000.000 đồng thì anh B nói là bớt cho ông 2.000.000.000 đồng là 9.000.000.000 đồng và yêu cầu ông viết giấy cam kết nợ.

Ông xác nhận “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 là tự tay ông viết và ký với nội dung: Ông nợ anh B số tiền 9.000.000.000 đồng và cam kết sẽ trả 7.000.000.000 đồng vào tháng 7,8/2018 còn 2.000.000.000 đồng thì sẽ trả trong năm 2019.

Trên thực tế ngày 16/5/2018, không có ai dùng vũ lực đánh ông nhưng ông bị sức ép về tinh thần từ phía anh B và gia đình anh B. Anh B là người đưa bút đưa giấy cho ông viết giấy cam kết trả nợ, gia đình anh B chỉ nói là “anh có trả nợ không”, “không trả thì định như thế nào”... lặp đi lặp lại nhiều lần.

Tháng 6/2018, ông bán căn nhà tại địa chỉ đường Giảng Võ được hơn 23.000.000.000 đồng và đã trả cho anh B 1.200.000.000 đồng tại quán café. Số tiền còn lại ông phải trả nợ cho ngân hàng. Từ đó cho đến nay, ông cũng chưa trả thêm được đồng nào cho anh B.

Tháng 7/2018, ông có viết đơn kêu cứu ra công an quận Thanh Xuân, nội dung là anh B và gia đình anh B giữ ông trong nhà 4 tiếng. Công an quận Thanh Xuân trả lời là chưa đủ chứng cứ việc bắt giữ người trái pháp luật và đã thông báo kết quả cho ông.

Nay anh B yêu cầu ông phải thanh toán số tiền 5.800.000.000 đồng, ông không đồng ý vì ông không còn nợ anh B. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của anh B.

Tại bản án số 13/2019/DS - ST ngày 22 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã xử:

Áp dụng:

- Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và một số vấn đề cần rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án có tranh chấp về lãi, lãi suất;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc B đối với ông Vũ Trung T về việc Kiện đòi tài sản.

2. Buộc ông Vũ Trung T phải thanh toán trả nợ cho Vũ Ngọc B, tổng số tiền là: 6.316.433.450 đồng (*Sáu tỷ, ba trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*) bao gồm: Nợ gốc là: 5.800.000.000 đồng; nợ lãi chậm trả là: 516.433.450 đồng.

3. Về án phí: Ông Vũ Trung T phải nộp 114.316.433 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, ba trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng*).

Hoàn trả cho ông Vũ Ngọc B số tiền 56.000.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông B đã nộp tại biên lai số 0008179 ngày 09/01/2019 tại cơ quan thi hành án quận Đống Đa.

Kể từ ngày kết tiếp của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trở lại hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông B, ông T. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Sau phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Trung T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không bổ sung tài liệu chứng cứ mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T là chú họ của ông và ông là cán bộ viên chức của Viettell chứ không phải là dân xã hội, cho vay kiểu xã hội đen như ông T tố cáo. Vì có quan hệ họ hàng nên ông và ông T có hỗ trợ nhau trong quá trình làm ăn và những lúc cần huy động vốn.

Khoảng năm 2011, ông T làm công trình cho Nhà nước chưa quyết toán được nên phải ứng vốn. Ông T nhờ ông đi vay hộ tiền. Những lần đầu, ông dẫn ông T đến nhà bạn ông làm cầm đồ ở đường Láng để vay tiền. Tất cả các lần đều là vay ngắn hạn khi cần tiền gấp cho công trình; do ông T đề xuất về số tiền vay, thời gian vay, lãi suất vay. Sau đó, trên tình thân chú cháu giúp đỡ nhau, khi ông có tiền thì ông cho ông T vay; nhiều lần ông đi vay người khác hộ ông T. Từ năm 2011 đến năm 2015, ông cho ông T vay hàng chục lần và những lần đầu ông T vẫn trả khá đúng hạn. Mỗi lần ông T trả tiền ông đều trả lại chứng từ gốc cho ông T và món vay được tất toán. Ông không xác định được số tiền đã trả vào nợ gốc, nợ lãi,

khoản tiền trả cho từng khoản vay là bao nhiêu vì thời gian đã lâu và quá nhiều món vay.

Cho đến năm 2015, ông T còn nợ lại ông 5.786.000.000 đồng của tám (08) khoản vay; thời hạn vay 01 tháng, không quy định lãi suất gồm những lần vay cụ thể như sau:

- 1/ Ngày 07/09/2015; Số tiền 135.000.000 đồng;
- 2/ Ngày 12/09/2015; Số tiền 100.000.000 đồng;
- 3/ Ngày 15/09/2015; Số tiền 850.000.000 đồng;
- 4/ Ngày 22/09/2015; Số tiền 883.000.000 đồng;
- 5/ Ngày 25/09/2015; Số tiền 400.000.000 đồng;
- 6/ Ngày 25/09/2015; Số tiền 358.000.000 đồng;
- 7/ Ngày 30/09/2015; Số tiền 2.910.000.000 đồng;
- 8/ Ngày 01/10/2015; Số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ 01/10/2015, ông T không tiếp tục trả ông tiền của các khoản vay trên. Từ 01/10/2015 cho đến năm 2018, ông T tiếp tục vay tôi một số khoản vay nhưng không trả, những khoản này là vay tiền mặt để đi trả nợ cho người khác chứ không phải lãi từ tám (08) khoản vay trên. Trong khi các khoản tiền này ông phải vay của người khác để đưa cho ông T vay nên ông vẫn phải trả gốc và lãi như thoả thuận với người ta nên tôi phải bán cả nhà để trả nợ.

Ngày 16/05/2018, ông T đến nhà ông để đối chiếu chứng từ. Hai bên xác nhận ông T còn nợ ông số tiền 9.000.000.000 đồng trong đó gồm tám (08) khoản vay trên và các khoản vay sau ngày 01/10/2015. Ông T đã tự tay viết và ký “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018. Ông T cũng cam kết trong tháng 7,8/2018 sẽ trả ông số tiền 7.000.000.000; Số tiền 2.000.000.000 đồng sẽ trả trong năm 2019. Khi ông T viết “Giấy cam kết” ngày 16/05/2018 thì ông đã trả ông T toàn bộ chứng từ vay tiền gốc bao gồm tám (08) giấy vay tiền gốc của tám (08) khoản vay trên và các chứng từ vay sau ngày 01/10/2015.

Sau đó, ông T chỉ trả ông 1.200.000.000 đồng để ông trả món nợ của chị dâu ông trong khi ông T bán nhà 24.000.000.000 đồng hoàn toàn có khả năng trả nợ, né tránh không gặp, không nghe điện thoại của ông.

Do số tiền cam kết phải trả ông trong năm 2018 là 7.000.000.000 đồng mà ông T mới trả 1.200.000.000 đồng, còn 5.800.000.000 đồng nên ông đề nghị Toà án buộc ông T phải trả ông tiền gốc và lãi phát sinh của 5.800.000.000 đồng. Còn số tiền 2.000.000.000 đồng hẹn trả trong năm 2019, chưa đến hạn đòi nên ông sẽ yêu cầu sau.

Ông T nói ông dùng nhiều hành động xã hội đen để đòi nợ như dán cáo phó, đổ keo vào khoá nhà ông T là vu khống thiếu căn cứ cho ông. Ông T cũng đã thừa nhận tại phiên toà là ngoài vay tiền của ông ra thì ông T còn vay rất nhiều người khác. Vì vậy, ngoài ông ra, có những chủ nợ khác cũng cần đòi nợ ông T.

Bí đơn - ông T trình bày:

Tại phiên toà phúc thẩm, ông sẽ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mà không mời luật sư Nguyễn Văn Dũng, luật sư Dương Thị Thanh Ng nữa. Ông giữ nguyên yêu cầu và lý do kháng cáo.

Ông là anh em con chú con bác của bố anh Vũ Ngọc B.

Từ năm 2011, ông bắt đầu vay tiền của anh B để làm công trình. Mỗi lần ông trả một khoản vay thì ông B lại trả giấy vay tiền gốc cho ông. Đến ngày trả ông không trả thì lãi T một khoản vay mới. Tổng tiền vay khoảng hơn 2 000.000.000 đồng.

Ngày 16/05/2018, khi ông vừa đi tiếp khách, uống bia rượu về thì nhận tin nhắn của anh B yêu cầu ông đến nhà anh B. Lúc đến, ông thấy có bố mẹ anh B, vợ chồng anh Tr anh B và vợ chồng anh B. Khi đến thì ông không mang chứng từ để đối chiếu. Hơn 3h đồng hồ, gia đình anh B thúc ép ông về việc viết giấy nhận nợ. Do ông bị tiểu đường, hạ đường huyết, lo sợ ảnh hưởng tính mạng nên ông đã viết giấy cam kết do anh B đọc cho viết trong tình trạng bị gây sức ép về tinh thần. Trước và trong thời điểm viết giấy ông không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự.

Ngay sau khi ông viết “Giấy cam kết trả nợ” mới thì ông B trả lại ông toàn bộ tám (08) giấy vay tiền gốc mà ông chưa trả trước đó.

Nội dung “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 là ông xác nhận ông nợ anh B số tiền 9.000.000.000 đồng. Ông sẽ trả 7.000.000.000 trong tháng 7,8/2018; số tiền còn lại 2.000.000.000 trả trong năm 2019. Nếu năm 2018, ông trả được 8.000.000.000 thì anh B sẽ xóa nợ.

Sau khi viết giấy, ông mới trả được cho anh B 1.200.000.000 đồng. Tháng 10/2018, anh B đã dùng nhiều hành động xã hội đen như viết cáo phó tên vợ ông dán ở cửa; đổ keo vào ổ khoá. Ông khẳng định là anh B làm và đã tố cáo ra cơ quan Công an. Ngoài nợ anh B ra, ông nợ nhiều người khác nhưng không liên quan đến phiên toà này và anh B.

Toàn bộ giấy vay tiền và những lần trả tiền ông nộp trong hồ sơ ông đều cầm bản gốc. Kể cả giấy gốc của tám (08) khoản vay trên hiện nay ông cũng đang cầm. Ngày hôm nay, ông xuất trình cho Toà án các bản gốc để Toà án đối chiếu.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông không xác định được số tiền đã trả vào nợ gốc, nợ lãi, khoản tiền trả cho từng khoản vay là bao nhiêu. Ngày hôm nay ông mệt và chưa cung cấp được, đề nghị Toà án tạm dừng phiên toà. Ông không xuất trình được cho Hội đồng xét xử việc ốm, mệt phải nghỉ ngơi hoặc phải nằm viện.

Bản ghi âm ông nộp tại Toà án chỉ ghi những diễn biến trong thời gian hơn 3h đó và gia đình anh B nói những câu như “anh có trả nợ không”, “không trả thì định như thế nào”... lặp đi lặp lại nhiều lần.

Nếu Toà án không hoãn phiên toà thì đề nghị Toà án tính lại lãi từ ngày 08/08/2014 là ngày ông B gửi mail cho ông về cách tính lãi. Ông đề nghị Toà án miễn án phí cho ông vì ông đã trên 60 tuổi.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Toà án y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và lời khai của ông Vũ Ngọc B trong quá trình tiến hành tố tụng; ông B yêu cầu khởi kiện buộc ông T phải trả số tiền còn nợ là 5.800.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả. Do vậy, đây là Tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ.

[1.2] Về kháng cáo: Ông Vũ Trung T có mặt tại phiên toà ngày 22/07/2019; ngày 01/08/2019, Toà án nhân dân quận Đống Đa nhận được đơn kháng cáo đề ngày 31/07/2019 của ông T; ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định. Kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về phạm vi kháng cáo: Tại đơn kháng cáo đề, ông T có yêu cầu “*Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 22/07/2019*”

[1.3] Về chứng cứ: Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 27/05/2019; các đương sự xác nhận các tài liệu giao nộp đã đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cần giao nộp, không có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do hai bên đương sự cung cấp và Toà án thu thập. Cả hai bên đương sự không có ý kiến phản đối về mặt chứng cứ đối với các tài liệu do hai bên xuất trình, nên các chứng cứ này đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Từ ngày năm 2011 đến năm 2015; ông B đã cho ông T vay tiền thông qua nhiều lần vay. Hai bên có lập văn bản về số tiền vay, thời gian vay, không quy định về lãi suất vay.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc B:

Hội đồng xét xử thấy, muốn làm rõ số tiền cần buộc ông T phải trả cho ông B bao nhiêu tiền thì cần làm rõ tổng số tiền ông B đã cho ông T vay; tổng số tiền ông T đã trả cho ông B; các khoản trả gốc và trả lãi trong số tiền đã chi trả và các thỏa thuận liên quan của hai bên trong suốt quá trình giao dịch cho đến nay.

Giữa ông T và ông B ký kết nhiều văn bản thể hiện giao dịch vay tiền, trả tiền. Tại thời điểm thỏa thuận về việc vay nợ các bên hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch trên phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2005. Hội đồng xét xử thấy cần xác định giao dịch vay nợ giữa ông B và ông T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình Toà án giải quyết, ông B và ông T đã xuất trình các chứng từ cho vay và trả nợ như sau:

[3.1] Các chứng từ ông B cho ông T vay tiền thể hiện như sau:

1/ Ngày 15/11/2011; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 800.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL257);

2/ Ngày 18/11/2011; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL256);

3/ Ngày 22/11/2011; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 250.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL255);

4/ Ngày 25/11/2011; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL254);

5/ Ngày 13/01/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL253);

6/ Ngày 15/01/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 800.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL252);

7/ Ngày 18/01/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL251);

8/ Ngày 22/01/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 350.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có ghi thêm nội dung: “Cả gốc ngày 22/12/2011, 250.000.000 đồng và lãi của tất cả (Trừ ngày 13/01/2012)” (BL250);

9/ Ngày 25/01/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất (BL249);

10/ Ngày 13/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo

(BL248);

11/ Ngày 15/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL247);

12/ Ngày 18/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL246);

13/ Ngày 22/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 460.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo; Có ghi thêm nội dung: “Cả gốc 22/01/2012: 350 triệu, Tổng lãi 118 triệu” (BL245); => Loại trừ chứng từ số 8.

14/ Ngày 25/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL244);

15/ Ngày 07/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL243);

16/ Ngày 13/03/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL242);

17/ Ngày 15/03/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL241);

18/ Ngày 18/03/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL240);

19/ Ngày 22/03/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 468.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL239);

20/ Ngày 25/03/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL238);

21/ Ngày 07/04/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL237);

22/ Ngày 13/04/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL236);

23/ Ngày 15/04/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo

(BL235);

24/ Ngày 18/04/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL234);

25/ Ngày 22/04/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 460.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL233);

26/ Ngày 25/04/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL232);

27/ Ngày 07/05/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo Có thêm nội dung: “*Bao gồm 50 triệu ngày 07/5/2012; 78 triệu tiền lãi của tháng 4 + 6% lãi trả trước*” (BL231);

28/ Ngày 13/05/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL230);

29/ Ngày 15/05/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL229);

30/ Ngày 18/05/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL228);

31/ Ngày 22/05/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo; Có ghi thêm nội dung: “*Gốc 22/04 là 468 triệu; Lãi T4-T5 là 115 triệu; vay bổ sung 300 triệu*” (BL227); Như vậy cần loại trừ chứng từ 25;

32/ Ngày 25/05/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL226);

33/ Ngày 07/06/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 130.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL225);

34/ Ngày 15/06/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL224);

35/ Ngày 22/06/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL223);

36/ Ngày 25/06/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền

400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL222);

37/ Ngày 25/06/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo; Có ghi thêm nội dung “*Tiền lãi các khoản không kể 150 triệu ngày 18/06*” (BL221);

38/ Ngày 07/07/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL220); Không có chữ kí;

39/ Ngày 09/07/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL219);

40/ Ngày 15/07/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL218); Không có chữ kí;

41/ Ngày 22/02/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL217); Không có chữ kí;

42/ Ngày 25/07/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL216); Không có chữ kí;

43/ Ngày 25/07/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL215); Không có chữ kí;

44/ Ngày 07/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL214);

45/ Ngày 09/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL213);

46/ Ngày 15/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL212);

47/ Ngày 20/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 175.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL211); Có ghi thêm nội dung: “*Gốc 6 món là 2.906.000.000; Lãi 6% là 175 triệu*”

48/ Ngày 22/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL210);

49/ Ngày 25/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền

148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL209);

50/ Ngày 25/09/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL208);

51/ Ngày 07/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL207);

52/ Ngày 09/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL206);

53/ Ngày 15/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL205);

54/ Ngày 20/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 360.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL204); Có ghi thêm nội dung: “*Lãi 7 món 185.000.000 cộng gốc ngày 20/9/2012 175.000.000 là 360.000.000*”; Như vậy cần loại trừ chứng từ số 47;

55/ Ngày 22/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL203);

56/ Ngày 25/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL202);

57/ Ngày 25/10/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL201);

58/ Ngày 07/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL200); Không có chữ kí;

59/ Ngày 09/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL199); Không có chữ kí;

60/ Ngày 12/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL198);

61/ Ngày 15/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL197); Không có chữ kí;

62/ Ngày 20/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 556.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL196); Có ghi thêm nội dung: “*Gốc của ngày 20/10/2012 = 360.000.000 cộng lãi 7 món 196.000.000 là 556.000.000*”; Như vậy cần loại trừ chứng từ số 54;

63/ Ngày 22/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL195); Không có chữ kí;

64/ Ngày 25/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL194); Không có chữ kí;

65/ Ngày 25/11/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL193); Không có chữ kí;

66/ Ngày 07/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL192);

67/ Ngày 09/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL191);

68/ Ngày 12/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL190);

69/ Ngày 15/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL189);

70/ Ngày 19/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL188);

71/ Ngày 20/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 770.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL187); Có ghi thêm nội dung: “*Gốc của 20/12 556.000.000 cộng lãi 9 món 214.000.000 là 770.000.000*”;

72/ Ngày 22/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL186);

73/ Ngày 25/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL185);

74/ Ngày 25/12/2012; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL184);

75/ Ngày 22/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL183);

76/ Ngày 25/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL182);

77/ Ngày 25/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL181);

78/ Ngày 12/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL180);

79/ Ngày 15/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL179);

80/ Ngày 19/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 50.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL178);

81/ Ngày 20/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 1.178.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL177); Có ghi thêm nội dung: “*Lãi của 10 món là 248.000.000 cộng gốc 20/1/2013 930.000.000 là 1.178.000.000*” “*Đã thanh toán xong*”

82/ Ngày 01/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 150.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL176);

83/ Ngày 07/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL175); Không có chữ kí;

84/ Ngày 12/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL174); Không có chữ kí;

85/ Ngày 15/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL173); Không có chữ kí;

86/ Ngày 22/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL172); Không có chữ kí;

87/ Ngày 25/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 148.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL171); Có ghi thêm nội dung: “*Lãi 7 món 2.666.000.000, lãi 160.000.000, phát sinh 50.000.000 ngày 6/4, tổng phiếu ngày 25/3 : 25/4/2013 là 358.000.000= 148+50+160*”;

88/ Ngày 25/03/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL170); Không có chữ kí;

89/ Ngày 01/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền

150.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL169);

90/ Ngày 07/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL168);

91/ Ngày 09/02/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; “*Đã thanh toán xong*” (BL167);

92/ Ngày 01/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 150.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL166); Không có chữ kí;

93/ Ngày 07/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; Có dấu gạch chéo (BL165);

94/ Ngày 12/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL164);

95/ Ngày 15/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL163);

96/ Ngày 22/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL162);

97/ Ngày 25/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL161);

98/ Ngày 25/05/2013; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 358.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL160); Có ghi thêm nội dung: “ *Tổng 7 món là 2.876 tỉ, trả lãi 1 tháng là 129.420.000*”

99/ Ngày 30/09/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 2.910.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL159); Có ghi thêm nội dung: “ *Tạm thống nhất số liệu trên đề nghị xem lại cách tính lãi gốc và đề nghị giảm lãi cho hợp lý*”

100/ Ngày 25/09/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 358.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL158);

101/ Ngày 01/10/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 150.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL157);

102/ Ngày 25/09/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 400.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL156);

103/ Ngày 22/09/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 883.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL155);

104/ Ngày 15/09/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 850.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL154);

105/ Ngày 12/09/2015 Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL153);

106/ Ngày 07/09/2015; Người ký giấy vay tiền: Ông Vũ Trung T; Số tiền 135.000.000 đồng; Thời hạn 01 tháng; Không quy định lãi suất; (BL152);

Như vậy, sau khi đã trừ chứng từ trùng (Các chứng từ số 08, 47, 54); chứng từ không có chữ ký (Các chứng từ số 38, 40, 41, 42, 43, 58, 59, 61, 63, 64, 65, 83, 84, 85, 86, 88, 92) thì tổng số tiền ông B cho ông T vay là **37.385.000.000** đồng (*Ba mươi bảy tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu đồng*)

[3.2] Các chứng từ ông T trả tiền cho ông B thể hiện như sau:

1/ Ngày 30/12/2011; Người nhận tiền Vũ Trung T (không có chứng từ chứng minh ông Vũ Ngọc B, bà Nguyễn Hồng Lê đã nhận); Số tiền 93.000.000 đồng; Nội dung: Trả nợ tiền lãi vay của bà Nguyễn Hồng Lê (BL69);

2/ Ngày 10/04/2012; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 115.000.000 đồng; Nội dung: Trả nợ tiền vay, tiền lãi; (BL68);

3/ Ngày 27/07/2012; Người nhận tiền: Bà Nguyễn Hồng Lê; Số tiền 150.000.000 đồng; Nội dung: Trả tiền vay; (BL67);

4/ Ngày 17/05/2013; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Tiền lãi của 1,7 tỷ; (BL66);

5/ Ngày 20/06/2013; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 129.500.000; Nội dung: Không có nội dung; (BL66);

6/ Ngày 03/09/2013; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 125.000.000 đồng; Nội dung: Trả nợ tiền vay (BL65);

7/ Ngày 16/09/2013; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 125.000.000 đồng; Nội dung: Trả nợ tiền vay (BL64);

8/ Ngày 10/12/2013; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 125.000.000 đồng; Nội dung: Trả tiền (BL63);

9/ Ngày 22/01/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B (BL58);

10/ Ngày 27/01/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả tiền; Phiếu chi số 90 (BL62);

11/ Ngày 27/01/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả tiền; Phiếu chi số 91 (BL61);

12/ Ngày 27/08/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 356.400.000 đồng; Nội dung: Trả nợ; (BL60); Trùng chứng từ (BL59)

13/ Ngày 12/09/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 300.000.000 đồng; Nội dung: Trả B (BL59);

14/ Ngày 31/10/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 120.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL58);

- 15/ Ngày 29/12/2014; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 150.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL58);
- 16/ Ngày 30/01/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 150.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL57);
- 17/ Ngày 13/02/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 150.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL57);
- 18/ Ngày 03/04/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 160.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL57);
- 19/ Ngày 18/06/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 250.000.000 đồng; Nội dung: Gửi chị Ng trả B; (BL57);
- 20/ Ngày 28/07/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 150.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL57);
- 21/ Ngày 26/08/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL57);
- 22/ Ngày 31/08/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 70.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL56);
- 23/ Ngày 25/11/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL56);
- 24/ Ngày 07/12/2015; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL56);
- 25/ Ngày 28/01/2016; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 200.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL55);
- 26/ Ngày 08/06/2016; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 400.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL55);
- 27/ Ngày 26/01/2017; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 200.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL54);
- 28/ Ngày 23/03/2017; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 300.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL54);
- 29/ Ngày 08/06/2017; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL54);
- 30/ Ngày 03/11/2017; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL54);
- 31/ Ngày 16/01/2018; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 60.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL53);
- 32/ Ngày 30/01/2018; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 140.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL53);
- 33/ Ngày 12/02/2018; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 100.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL53);

34/ Ngày 13/02/2018; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 50.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL53);

35/ Ngày 21/06/2018; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 1000.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL53);

36/ Ngày 29/06/2018; Người nhận tiền: Ông Vũ Ngọc B; Số tiền 200.000.000 đồng; Nội dung: Trả B; (BL53);

Như vậy, tổng số tiền ông T đã trả ông B là **6.280.000.000** đồng (*Sáu tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong các giấy vay tiền thể hiện có lãi suất nhưng không xác định được mức lãi suất. Cả hai bên đương sự không xác định được số tiền đã trả vào nợ gốc, nợ lãi, khoản tiền trả cho từng khoản vay là bao nhiêu. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để bóc tách từng khoản vay theo yêu cầu tính lại tiền đã vay, đã trả của ông T.

[3.3] Xét “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018:

Hội đồng xét xử thấy rằng, như thống kê ở trên chứng từ ông B cho ông T vay là là **37.385.000.000** đồng trong khi chứng từ ông T đã trả cho ông B là **6.280.000.000** đồng.

Khi viết “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018, ông B và ông T đã đối chiếu các chứng từ để ra con số chốt nợ. Tại thời điểm viết giấy, ông T có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự; ông T thừa nhận chữ ký của ông T trong các chứng từ vay tiền trên là thật; ông T không chứng minh được ông T bị ép buộc nên cần xác định ông T viết, ký “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 là tự nguyện; mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên có đầy đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét nội dung “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 có nội dung: Ông T xác nhận có nợ ông B số tiền 9.000.000.000; cam kết trả 7.000.000.000 đồng trong tháng 7,8/2018; cam kết trả 2.000.000.000 đồng trong năm 2019; trong trường hợp năm 2018 trả được 8.000.000.000 đồng thì coi như hết nợ.

Hai bên xác nhận, ông T đã trả cho ông B số tiền 1.200.000.000 đồng (Trong đó, ngày 21/06/2018 trả 1.000.000.000 đồng; ngày 29/06/2018 trả 200.000.000 đồng). Như vậy, số tiền còn thiếu là 5.800.000.000 đồng so với cam kết trả nợ; ông T đã vi phạm cam kết trả nợ. Vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B buộc ông T phải thanh toán trả số tiền gốc 5.800.000.000 đồng là có căn cứ; cần giữ nguyên nội dung này của án sơ thẩm.

Về lãi suất: “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 không quy định lãi suất. Do vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466; khoản 1,2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và một số vấn đề cần rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án có tranh chấp về lãi, lãi suất. Do vậy, mức lãi suất cần buộc ông T phải trả vì chậm thanh toán là 10%; thời gian bắt đầu tính lãi từ 01/9/2008 đến ngày 22/07/2019. Lãi suất chậm trả cụ thể như sau: $5.800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 10 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} (325 \text{ ngày}) = 516.433.450 \text{ đồng}$ (*Năm trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*).

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B buộc ông T phải thanh toán số tiền 516.433.450 đồng (*Năm trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*) là có căn cứ; cần giữ nguyên nội dung này của án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của ông Vũ Trung T:

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên nội dung của án sơ thẩm.

Quá trình trình từ khi xét xử sơ thẩm ngày 22/07/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm đã hơn ba tháng. Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, báo phiên toà lần thứ hai nhưng ông T vẫn không xuất trình được chứng cứ mới, không bóc tách để xác định được số tiền đã trả vào khoản nợ gốc, nợ lãi cho từng khoản vay là bao nhiêu. Ông T đề nghị Toà án tính lại lãi từ ngày 08/08/2014 nhưng cũng không đưa ra căn cứ, phương thức, cách tính trong khi số tiền đã vay lớn gấp nhiều lần số tiền đã trả. Những chứng cứ ông T đã xuất trình cũng không chứng minh được “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 không đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Trung T về số tiền phải trả.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí:

[5.1] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn - ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tuy nhiên, ông T sinh năm 1958, là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi. Do vậy, cần miễn án phí cho ông T.

[5.2] Ông T được miễn án phí phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ; sửa về nghĩa vụ chịu án phí.

Quan điểm của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 117, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, Điều 93, Điều 271, Điều 272, Điều 273; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và một số vấn đề cần rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án có tranh chấp về lãi, lãi suất.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Trung T; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 22/07/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa về nghĩa vụ chịu án phí cụ thể như sau:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc B đối với ông Vũ Trung T về việc kiện đòi tài sản đối với số tiền chậm trả đến tháng 08/2018 theo “Giấy cam kết trả nợ” ngày 16/05/2018 với số tiền gốc 5.800.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh sau ngày 01/09/2018 .

Buộc ông Vũ Trung T phải thanh toán trả nợ cho Vũ Ngọc B, tổng số tiền là: **6.316.433.450 đồng** (Sáu tỷ, ba trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) Trong đó: Nợ gốc là: 5.800.000.000 đồng; nợ lãi chậm trả là: 516.433.450 đồng.

[3] Về án phí: Ông Vũ Ngọc B và Vũ Trung T không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Ngọc B số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông B đã nộp tại biên lai số 0008179 ngày 09/01/2019 tại cơ quan thi hành án quận Đống Đa.

Hoàn trả cho ông Vũ Trung T số tiền 300.000 đồng (Ba Trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông T đã nộp tại biên lai số 0008986 ngày 05/08/2019 tại cơ quan thi hành án quận Đống Đa.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Trình hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng